

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/KDTM-PT

Ngày: 14/01/2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng xây dựng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính; Bà Nguyễn Tuyết Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc - Thư ký TAND tỉnh BN.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Đức - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11/01 và 14/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 01/2021/TLPT-KDTM ngày 06/10/2021 về “Tranh chấp hợp đồng xây dựng”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 05/2021/KDTM-ST ngày 09/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố BN, tỉnh BN bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2021/QĐ-PT ngày 01/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng H; Địa chỉ: Số 36C1, phố Lý Nam Đ, phường Cửa Đ, quận Hoàn K, thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt D - Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Bà Đào Thị S, sinh năm 1991 (xin xét xử vắng mặt) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1985 (có mặt) - Chức vụ: Nhân viên phòng hành chính; Cùng địa chỉ: Tầng 4, số 78 Nguyễn Kh, phường Yên H, quận Cầu G, thành phố HN (Theo Giấy ủy quyền số 08/GUQ ngày 25/02/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đinh Thị H - Luật sư Công ty luật TNHH Quốc tế DTH, Đoàn luật sư thành phố HN; Địa chỉ: Thôn Đoàn K, xã La P, huyện Hoài Đ, thành phố HN (có mặt).

Bị đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy Lợi I; Địa chỉ: Khu 2, phường Đại P, thành phố BN, tỉnh BN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T - Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Nguyễn An Kh - Tổng giám đốc (đều có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Xí nghiệp Xây dựng Thủy Lợi 14; Địa chỉ: Khu 2, phường Đại P, thành phố BN, tỉnh BN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Tr - Giám đốc Xí nghiệp (vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Ông Bùi Đức V, sinh năm 1950; Địa chỉ: Lô 18, O2 – Bán đảo Linh Đ, phường Hoàng L, quận Hoàng M, thành phố HN (có mặt).

2. Ông Đào Đức H, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số nhà 10, đường Hàn T, phường Đại P, thành phố BN, tỉnh BN (vắng mặt)

3. Ông Nghiêm Văn N; sinh năm 1964; Địa chỉ: Số nhà 53, đường Võ Thị S, phường Ninh X, thành phố BN, tỉnh BN (vắng mặt).

Người có kháng cáo: Công ty CP xây dựng Thủy Lợi I.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau: *Nguyên đơn Công ty Cổ phần Xây dựng H (sau đây gọi tắt là Công ty H) trình bày:* Ngày 30/9/2007 Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ hàng không S. Nay là Công ty H và Xí nghiệp Xây dựng Thủy Lợi 14 (sau đây gọi tắt là Xí nghiệp Thủy Lợi 14) là chi nhánh, đơn vị phụ thuộc của Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy Lợi I (sau đây gọi tắt là Công ty Thủy Lợi I) ký Hợp đồng kinh tế số 09/HĐKT ngày 30/9/2007. Nội dung hợp đồng: Công ty H thi công phần việc “Khoan đá nổ mìn, đào xúc, vận chuyển, san đầm từ mỏ đá số 1 để đắp đập dâng công trình thủy điện An Khê – Kanak”; Khối lượng tạm tính: Đá đắp đập 300.000 m²; Giá trị hợp đồng tạm tính 42.000.000.000 đồng; Thời gian thực hiện công việc bắt đầu từ ngày 02/10/2007 đến ngày 31/12/2008. Ngoài ra, Công ty H và Xí nghiệp Thủy Lợi 14 còn ký Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 06/10/2008; Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ ngày 20/12/2010 về việc gia hạn thời hạn hiệu lực của hợp đồng cho đến khi hai bên hoàn thành nghĩa vụ thanh quyết toán công trình.

Sau khi ký kết hợp đồng và phụ lục hợp đồng, phía Công ty H đã hoàn thành công việc. Giá trị thực tế Công ty H đã thi công, được Xí nghiệp Thủy Lợi 14 nghiệm thu và xuất hóa đơn VAT đối với phần nghiệm thu này tổng cộng là 26.395.783.655 đồng. Tính đến ngày 31/12/2014 Xí nghiệp Thủy Lợi 14 đã thanh toán cho Công ty H tổng cộng: 22.501.061.605 đồng, còn nợ 3.894.722.050 đồng bao gồm: Giá trị chủ đầu tư giữ lại chưa thanh toán là 3.763.828.050 đồng và giá trị còn lại phải thanh toán là: 130.894.000 đồng.

Theo thỏa thuận tại Điều 2 Hợp đồng kinh tế số 09/HĐKT ngày 30/9/2007 thì việc thanh toán được thực hiện khi có xác nhận nghiệm thu thanh toán của chủ đầu tư là Tập đoàn điện lực Việt Nam cho bên A. Tại Công văn số 5499/EVN-QLXD ngày 11/10/2019 của Tập đoàn điện lực Việt Nam cho biết: “*Chủ đầu tư đã tiến hành thanh lý hợp đồng với các nhà thầu và đã hoàn thành công tác quyết toán dự án vào năm 2017*”. Tuy nhiên, Xí nghiệp Thủy Lợi 14 mới thanh toán được cho

Công ty H 100.000.000 đồng vào ngày 12/02/2018. Từ ngày 12/2/2018 Xí nghiệp Thủy Lợi 14 không thanh toán Công ty H thêm một khoản nào dù Công ty H đã gửi rất nhiều đề nghị thanh toán đến Xí nghiệp Thủy Lợi 14.

Tính đến ngày 12/02/2018 Công ty H đã được thanh toán 22.601.061.615 đồng trong đó:

- Nhận thanh toán bằng tiền mặt tại công trường thi công là: 2.521.396.955 đồng.

- Đối trừ công nợ với Công ty Thủy Lợi I là: 1.549.664.660 đồng.

- Công ty Thủy Lợi I chuyển khoản vào tài khoản của Công ty H là: 18.530.000.000 đồng.

Do Xí nghiệp Thủy Lợi 14 là đơn vị phụ thuộc Công ty Thủy Lợi I. Vậy, Công ty H làm đơn khởi kiện đến Tòa án đề nghị buộc Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy Lợi I thanh toán cho Công ty H số nợ gốc của hợp đồng là 3.794.722.050 đồng và tiền lãi chậm thanh toán kể từ ngày 01/01/2018 tạm tính đến hết ngày 09/7/2021 trên số nợ gốc 3.763.828.050 đồng là 3.763.828.050 đồng $\times 10\%/năm \times 1284$ ngày = 1.324.042.525 đồng. Tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 09/7/2021 là 5.188.764.575 đồng.

Bị đơn Công ty Thủy Lợi I trình bày: Căn cứ tài liệu Xí nghiệp Thủy Lợi 14 gửi về Công ty Thủy Lợi I thì Công ty Thủy Lợi I xác nhận Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ hàng không S (nay là Công ty H) và Xí nghiệp Thủy Lợi 14 có ký Hợp đồng kinh tế số 09/HĐKT ngày 30/9/2007 và Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 06/10/2008, phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ ngày 20/12/2010. Tuy nhiên, Công ty Thủy Lợi I không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty H. Do:

Công ty Thủy Lợi I không ký và cũng không uỷ quyền cho Xí nghiệp Thủy Lợi 14 ký Hợp đồng với Công ty H. Theo Giấy uỷ quyền số ngày 30/02/2007 thì Ông Bùi Đức V – Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp Thủy Lợi 14 chỉ được uỷ quyền ký các văn bản về việc “*Quản lý và tổ chức thi công kênh xả, móng nhà máy và các hạng mục công trình khác được giao của công trình thủy điện An Khê – KaNak đồng thời trực tiếp nghiệm thu và thanh toán khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành với A theo đúng chế độ và khối lượng công việc đã hoàn thành*”(Trong đó A là bên Tổng công ty cơ điện xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi, hiện là Tổng công ty cơ điện xây dựng – CTCP) và người ký văn bản uỷ quyền là Ông Nghiêm Văn N – Giám đốc điều hành Công ty Thủy Lợi I cũng không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty nên không được quyền ký văn bản uỷ quyền. Ngoài ra, khi ông Vũ ký hợp đồng và thực hiện hợp đồng đều không báo cáo đến Hội đồng quản trị (không có trong nghị quyết cũng như biên bản họp của hội đồng quản trị). Việc Công ty có chuyển tiền cho Công ty H là do Xí nghiệp

Thủy Lợi 14 đề nghị Công ty chuyển tiền và cam kết trách nhiệm nên Công ty Thủy Lợi I không thể biết việc Xí nghiệp Thủy Lợi I ký hợp đồng với Công ty H.

Ông Vũ sau khi Hội đồng quản trị miễn nhiệm chức vụ giám đốc Xí nghiệp Thủy Lợi 14 thì ông Vũ cũng chưa bàn giao lại toàn bộ các công việc bao gồm cả công nợ cho ông Trung hiện đang là giám đốc của Xí nghiệp Thủy Lợi 14 hay Công ty Thủy Lợi I nên Xí nghiệp Thủy Lợi 14 chưa làm đối chiếu công nợ tại các công trình do Xí nghiệp Thủy Lợi 14 thi công trong đó có công trình An Khê- Kanak với Công ty Thủy Lợi I. Do đó, công nợ của Xí nghiệp Thủy Lợi 14 chưa có con số cụ thể. Ngoài ra, Tổng thầu công trình An Khê- Kanak cũng chưa thanh toán hết tiền công trình An Khê- Kanak cho Công ty Thủy Lợi I. Trường hợp có đối chiếu công nợ, giữa Công ty và Xí nghiệp Thủy Lợi 14 tại Công trình An Khê - Kanak, nếu so với mức khoán của Công ty còn dư thì Công ty sẽ trả cho Xí nghiệp Thủy Lợi 14, chứ không phải trả cho Công ty H. Trường hợp âm tiền thì ông Vũ phải có trách nhiệm với Công ty và với các đơn vị mà ông Vũ ký hợp đồng thì công khi ông Vũ làm giám đốc Xí nghiệp. Còn Ông Nguyễn Văn Tr được bổ nhiệm làm giám đốc Xí nghiệp Thủy Lợi 14 không có trách nhiệm gì đối với công việc của Xí nghiệp Thủy Lợi 14 trước ngày được bổ nhiệm.

Việc nghiệm thu công trình giữa Xí nghiệp Thủy Lợi 14 và Công ty H là không đúng về quy định của Luật xây dựng. Bản nghiệm thu thanh toán, đối chiếu công nợ năm 2019 giữa hai bên cũng là giả mạo vì Ông Bùi Đức V và ông Nguyễn Đức Hoà – kế toán của Xí nghiệp 14 đã bị miễn nhiệm chức vụ tại thời điểm ký năm 2019 nên ông Vũ và ông Hòa không thể là đại diện của Xí nghiệp Thủy Lợi 14.

Vì vậy, đề nghị Công ty H khởi kiện người ký hợp đồng với Công ty Hiech là Ông Bùi Đức V. Do Công ty Thủy Lợi I không ký và không biết việc Xí nghiệp Thủy Lợi 14 ký hợp đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Xí nghiệp Thủy Lợi 14 do ông Trung làm đại diện cho biết: Hiện ông làm người đại diện cho Xí nghiệp Thủy Lợi 14 theo Quyết định bổ nhiệm Quyền giám đốc Xí nghiệp Thủy Lợi 14 số 08/QĐ-HĐQT ngày 04/7/2015 và Quyết định bổ nhiệm Giám đốc Xí nghiệp Thủy Lợi 14 số 20/QĐ/HĐQT ngày 17/6/2016. Ông không được nhận bất kỳ giấy tờ, tài liệu, chứng từ gì về công nợ cũng như các công việc khác của Xí nghiệp Thủy Lợi 14 từ ngày 04/7/2015 trở về trước và chỉ là người điều hành Xí nghiệp Thủy Lợi 14 từ ngày 04/7/2015 đến nay. Do đó, ông không chịu trách nhiệm đối với công việc của Xí nghiệp Thủy Lợi 14 trước đó nên ông xác định không liên quan gì đối với tranh chấp giữa Công ty H với Công ty Thủy Lợi I.

Với nội dung như trên bản án sơ thẩm số 05/2021/KDTM-ST ngày 09/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố BN đã căn cứ các Điều 30, 38, 147, 148, 227, 228,

229, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 84, 117, 137, 143, 357 của Bộ luật dân sự 2015; Luật xây dựng 2003 sửa đổi bổ sung 2009; Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Điều 53 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần xây dựng H.

2. Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy Lợi I phải trả cho Công ty Cổ phần Xây dựng H tổng số tiền là: 5.188.764.575 đồng, trong đó: Số tiền nợ gốc là: 3.794.722.050 đồng. Số tiền lãi chậm trả tạm tính đến hết ngày 09/7/2021 là: 1.342.042.525 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 16/7/2021 Công ty CP xây dựng Thủy Lợi I có đơn kháng toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Sau năm 2016 giữa các bên không có xác nhận công nợ nên khoản nợ của Công ty H không được kiểm toán thành mục nợ riêng mà được đưa vào mục nợ khác, tại phiên tòa Công ty Thủy Lợi I đã có văn bản xác nhận của Công ty kiểm toán với nội dung bóc tách khoản nợ của Công ty Thủy Lợi I với Công ty H là thời điểm năm 2016 và 2019, 2020 chỉ còn hơn hơn 2,2 tỷ đồng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Theo quy định tại hợp đồng và quy định của pháp luật xây dựng thì phía Công ty H chưa đủ điều kiện thanh toán vì hồ sơ thanh quyết toán chưa có hồ sơ hoàn công, biên bản nghiệm thu không có chữ ký xác nhận của nhân viên kỹ thuật giám sát trực tiếp tại công trường, các công nợ của Công ty H từ trước tới nay chỉ đối chiếu với Xí nghiệp Thủy Lợi 14 mà không đối chiếu với Công ty Thủy Lợi I, Công ty H cũng chỉ chốt nợ với Xí nghiệp Thủy Lợi 14 trong khi đó Xí nghiệp Thủy Lợi 14 chưa thanh quyết toán với Công ty Thủy Lợi I nên không thể cho rằng Công ty Thủy Lợi I phát sinh nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Hiech.

Bản án sơ thẩm căn cứ vào biên bản chốt nợ năm 2014 để xác định công nợ là chưa chính xác vì khi đó các bên chưa thanh toán toàn bộ cho nhau, việc bản án sơ thẩm sử dụng biên bản chốt nợ này để buộc Công ty Thủy Lợi I phải có nghĩa vụ thanh toán là không phù hợp. Đối với việc chốt nợ và xác định công nợ cũng chưa chính xác vì chưa có sự đối trừ tiền vật liệu của Xí nghiệp Thủy Lợi 14 cung cấp cho Công ty H trong quá trình thi công. Trong khi các bên đã có văn bản xác nhận về việc Xí nghiệp Thủy Lợi 14 chuyển vật tư cho Công ty H và các bên chưa thanh

toán những khoản này. Công ty Thủy Lợi I thừa nhận có công nợ với Công ty H nhưng đến nay Công ty Thủy Lợi I không biết mình còn nợ Công ty H không và nếu còn công nợ thì công nợ còn phải thanh toán bao nhiêu? Nên Công ty Thủy Lợi I chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán của Công ty Thủy Lợi I với Công ty H. Đối với việc công ty Thủy lợi I chưa đối trừ công nợ với Công ty H đối với phần vật tư mà Xí nghiệp 14 chuyển cho Công ty H là do Công ty Thủy Lợi I chưa thanh toán với Xí nghiệp Thủy Lợi 14 nên chưa rà soát được công nợ giữa Công ty H và Xí nghiệp Thủy Lợi 14.

Đề nghị Hội đồng xét xử yêu cầu nguyên đơn cung cấp hồ sơ pháp lý đối với hợp đồng xây dựng giữa Công ty H với Công ty Thủy Lợi I; yêu cầu nguyên đơn cung cấp hồ sơ hoàn công, hồ sơ nghiệm thu công trình của giám sát công trình. Do có nhiều nội dung mâu thuẫn, chưa được làm rõ nên Tôi đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu các bên cung cấp tài liệu chứng cứ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Do đây là phiên tòa phúc thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những nội dung liên quan đến kháng cáo của bị đơn, những vấn đề khác không liên quan đến kháng cáo của bị đơn tôi đề nghị không xem xét.

Thứ nhất, tại phiên tòa ông Khánh đã thừa nhận hợp đồng kinh tế giữa Công ty H với Xí nghiệp Thủy Lợi 14 là hợp pháp, tức là công nhận quan hệ hợp đồng giữa Công ty H với Công ty Thủy lợi I; khẳng định có công nợ và chấp nhận trả nợ; ông Khánh thừa nhận ông Vũ tại thời điểm năm 2019 đã nghỉ không công tác tại Xí nghiệp Thủy Lợi 14 nhưng ông Vũ vẫn phải có trách nhiệm đối với việc giải quyết công nợ với Công ty H, thừa nhận các văn bản ông Vũ ký năm 2019 là hợp pháp nên đây là văn bản chốt nợ cuối cùng có giá trị cao nhất.

Do Xí nghiệp Thủy Lợi 14 không phải là tổ chức có tư cách pháp nhân, theo mô hình hoạt động là bộ phận trực thuộc Công ty Thủy Lợi I nên việc Xí nghiệp Thủy Lợi 14 ký hợp đồng với Công ty H nhưng bản chất là đại diện cho Công ty Thủy Lợi I ký hợp đồng. Việc bản án sơ thẩm đã xác Công ty Thủy Lợi I là bị đơn và Xí nghiệp Thủy Lợi 14 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định của pháp luật.

Tập đoàn Cơ điện đã xác nhận công trình hoàn thành, các bên đã thực hiện xong khối lượng công việc theo thỏa thuận; Xí nghiệp Thủy Lợi 14 đã chốt công nợ với Công ty H và báo cáo với Công ty Thủy Lợi I để thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Đây là cơ sở để thanh quyết toán hợp đồng giữa các bên. Việc bị đơn trình bày cho rằng đến nay Tổng thầu nợ Công ty Thủy Lợi I không phải là căn cứ xác định việc Thủy Lợi I chưa phát sinh nghĩa vụ trả nợ cho Công ty H.

Đối với các khoản liên quan đến vật tư mà Xí nghiệp 14 cung cấp cho Công ty H đã được đối trừ ngay theo từng giai đoạn thanh toán nên việc Thủy Lợi I cho

rằng chưa đối trừ các khoản nào liên quan đến việc này là không phù hợp. Tại phiên tòa sơ thẩm, phía bị đơn không đề nghị Tòa án xem xét đối trừ các khoản vật tư, không có yêu cầu phản tố đối với các khoản này. Nếu có căn cứ cho rằng Công ty H chưa thanh toán đối trừ vật tư cho Xí nghiệp Thủy Lợi 14 thì phía bị đơn vẫn có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Đề nghị không chấp nhận việc kháng cáo bổ sung của bị đơn vì hết thời hạn kháng cáo; Đề nghị không xem xét kiến nghị của Công ty Thủy Lợi I. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định công nợ theo biên bản chốt nợ năm 2019, tính lại lãi xuất chậm trả đối với số tiền nợ.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 259, 304 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định tạm ngừng phiên tòa để tiến hành thu thập thêm tài liệu chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng; Xét kháng cáo của Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy Lợi I được nộp trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét nội dung kháng cáo của Công ty Thủy Lợi I:

Thứ nhất, ngày 30/9/2007 giữa Xí nghiệp Thủy Lợi 14 và Công ty H ký kết 01 hợp đồng kinh tế số 09/HĐKT tiếp đến là các phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 06/10/2008; phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ ngày 20/12/2010 do Ông Bùi Đức V - Giám đốc chi nhánh Xí nghiệp Thủy Lợi 14 và Ông Nguyễn Việt D - Giám đốc Công ty H đại diện ký. Hợp đồng giữa các bên được lập thành văn bản, có nội dung phù hợp và đảm bảo về mặt hình thức, các bên trong hợp đồng đều tự nguyện tham gia ký kết.

Về chủ thể tham gia ký kết thì Xí nghiệp Thủy Lợi 14 là chi nhánh, đơn vị phụ thuộc của Công ty và được Công ty Thủy Lợi I đã giao thực hiện hợp đồng thi công số 06/HĐKT/2007 ngày 25/01/2007 thi công trình thủy điện An Khê - Kanak. Theo nội dung ủy quyền ngày 20/5/2007 của giám đốc điều hành Công ty Thủy Lợi I với Xí nghiệp Thủy Lợi 14 thì Xí nghiệp Thủy Lợi 14 được quyền quản lý và tổ chức thi công Kênh xả, móng nhà máy và các hạng mục công trình khác được giao của

công trình thủy điện An Khê - Kanak theo Giấy ủy quyền ngày 20/5/2007. Theo nội dung ủy quyền thì không có nội dung Công ty Thủy Lợi I cho phép Ông Bùi Đức V là đại diện của Xí nghiệp Thủy Lợi 14 được phép ký hợp đồng giao thầu với Công ty H hợp đồng kinh tế số 09/HĐKT ngày 30/9/2007 và Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 06/10/2008, phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ ngày 20/12/2010 việc ông Vũ ký hợp đồng kinh tế và các phụ lục hợp đồng là vượt quá phạm vi ủy quyền. Tuy nhiên, sau khi đại diện Xí nghiệp ký kết và thực hiện hợp đồng số 09, Công ty Thủy Lợi I đã biết và vẫn chấp nhận nghĩa vụ thanh toán. Theo tài liệu hồ sơ vụ án thể hiện Công ty Thủy Lợi I đã chuyển khoản vào tài khoản của Công ty H; Ông Đào Đức H - chủ tịch Hội đồng quản trị và Ông Nghiêm Văn N - Giám đốc Công ty Thủy Lợi I tại thời điểm các bên xác lập hợp đồng đều thừa nhận là đã được ông Vũ báo cáo việc việc ký hợp đồng số 09/HĐKT ngày 30/9/2007. Theo quy định tại Điều 143 Bộ luật dân sự 2015 thì những giao dịch dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện vượt quá phạm vi đại diện mà người được đại diện biết thì vẫn làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của người được đại diện đối với phần giao dịch được thực hiện vượt quá. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn do ông Nguyễn Minh Tiến, ông Nguyễn An Kh đại diện cũng thừa nhận tính hợp pháp của hợp đồng giữa các bên, thừa nhận Công ty Thủy Lợi I có nghĩa vụ thanh toán công nợ cho Công ty H. Như vậy, việc bản án sơ thẩm nhận định hợp đồng kinh tế số 09/HĐKT ngày 30/9/2007 ký kết giữa Công ty H với Xí nghiệp Thủy Lợi 14 là hợp pháp và xác định trách nhiệm của Công ty Thủy Lợi I trong việc thực hiện hợp đồng kinh tế mà Xí nghiệp Thủy Lợi 14 đã ký với Công ty H là có căn cứ.

Thứ hai, theo Công văn số 5499/EVN-QLXD ngày 11/10/2019 thì chủ đầu tư đã tiến hành thanh lý hợp đồng với các nhà thầu và đã hoàn thành công tác quyết toán dự án vào năm 2017. Công trình thủy điện An Khê - Kanak của Tổng công ty phát điện 2 cũng đã chính thức đưa vào sử dụng. Công ty H và Xí nghiệp Thủy Lợi 14 đã lập hồ sơ quyết toán khối lượng công việc hoàn thành. Như vậy, Công ty H đã thi công xong phần việc theo hợp đồng kinh tế số 09/HĐKT ngày 30/9/2007. Phía Công ty Thủy Lợi I cho rằng không đủ căn cứ để xác định công nợ với Công ty H nhưng căn cứ vào bảng tổng hợp giá trị thanh quyết toán, biên bản xác nhận khối lượng xây lắp hoàn thành, hóa đơn giá trị gia tăng, lệnh chuyển tiền thì đã xác định được tổng giá trị khối lượng công việc Công ty H thực hiện có giá trị là 32.334.979.356 đồng, tổng giá trị sau khi đối trừ các khoản theo thỏa thuận trong hợp đồng và các khoản khác thì Công ty H được thanh toán 26.397.783.655 đồng. Đến nay Công ty Thủy Lợi I đã thanh toán cho Công ty H là 22.601.061.615 đồng, số tiền chưa thanh toán là 3.794.722.050 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía Công ty Thủy Lợi I cho rằng căn cứ vào biên bản chốt nợ năm 2016 được ký kết giữa các bên thì phía Công ty Thủy Lợi I chỉ

còn nợ Công ty H số tiền hơn 2,2 tỷ đồng vì tại thời điểm này các bên tiến hành đối trừ khoản tiền là giá trị vật tư khoảng 1,5 tỷ đồng mà Xí nghiệp Thủy Lợi 14 cung cấp cho Công ty H trong quá trình thi công. Tuy nhiên, theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện thì tại biên bản chốt nợ năm 2019 các bên tiến hành chốt nợ với tổng số nợ hơn 3,7 tỷ đồng. Do có mâu thuẫn về số liệu công nợ nên Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa để Công ty Thủy Lợi I cung cấp hồ sơ kiểm toán tài chính đối với Công ty Thủy Lợi I và hồ sơ kiểm toán tài chính với riêng hợp đồng xây dựng Thủy điện An Khê-Kanak. Sau khi hết thời hạn tạm ngừng phiên tòa, phía Công ty Thủy Lợi I có cung cấp cho Hội đồng xét xử các báo cáo tài chính tại các năm 2016, 2019, 2020 và một công văn của Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam với nội dung xác nhận khoản nợ của Công ty Thủy Lợi I với Công ty H năm 2016 là hơn 2,2 tỷ đồng, đến năm 2020 dư nợ còn hơn 2,17 tỷ đồng. Tuy nhiên, khi xem xét các hồ sơ báo cáo tài chính thì lại không có nội dung nào thể hiện rõ các khoản công nợ với Công ty H trong các năm 2019, 2020; tại phần tranh luận phía bị đơn cũng cho rằng do không có việc chốt nợ với Công ty H nên tại báo cáo tài chính của Công ty Thủy Lợi I không thể hiện mục công nợ với Công ty H là bao nhiêu mà được ghi chung vào mục nợ chung khác, nhưng tại phiên tòa, Công ty Thủy Lợi I cung cấp Công văn của Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam với nội dung xác nhận khoản nợ của Công ty Thủy Lợi I với Công ty H năm 2016 là hơn 2,2 tỷ đồng, đến năm 2020 dư nợ còn hơn 2,17 tỷ là không phù hợp, có sự mâu thuẫn trong chính lời trình bày của bị đơn. Như vậy, việc Công ty Thủy Lợi I cho rằng tới thời điểm năm 2020 chỉ còn nợ Công ty H số tiền hơn 2,17 tỷ đồng theo nội dung công văn trả lời của Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam là không có căn cứ chấp nhận.

Xét thấy, trong quá trình tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm phía Công ty Thủy Lợi I cũng như Xí nghiệp Thủy Lợi 14 không cung cấp được tài liệu hay chứng cứ chứng minh nào về việc đã thanh toán hết số tiền 3.794.722.050 đồng cho Công ty H. Việc bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H, buộc Công ty Thủy Lợi I phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty H 3.794.722.050 đồng tiền nợ gốc là có căn cứ.

Thứ ba, theo thỏa thuận trong hợp đồng các bên giao thầu phải có nghĩa vụ thanh toán cho bên nhận thầu kể từ thời điểm có xác nhận nghiệm thu thanh toán. Theo các tài liệu trong hồ sơ thể hiện thì chủ đầu tư đã tiến hành thanh lý hợp đồng với các nhà thầu và đã hoàn thành công tác thanh quyết toán dự án vào năm 2017. Do vậy, kể từ thời điểm này phía Công ty Thủy Lợi I phải có trách nhiệm thanh toán cho phía Công ty H, kể từ đầu năm 2018 đến nay phía Công ty Thủy Lợi I không thanh toán cho Công ty H bất kỳ một khoản tiền nào. Việc bản án sơ thẩm

chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số tiền mà phía Công ty Thủy Lợi I chậm thanh toán là có căn cứ chấp nhận.

Từ những căn cứ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của Công ty Thủy Lợi I là không có căn cứ chấp nhận, cần bác toàn bộ kháng cáo của Công ty cổ phần xây dựng Thủy Lợi I, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 05/2021/KDTM-ST ngày 09/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố BN, tỉnh BN.

[3]. Về án phí: Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy Lợi I phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 84, 117, 137, 143, 357 của Bộ luật dân sự 2015; Luật xây dựng 2003 sửa đổi bổ sung 2009; Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Điều 53 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 05/2021/KDTM-ST ngày 09/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố BN, tỉnh BN

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Xây dựng H.

2. Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy Lợi I phải trả cho Công ty Cổ phần Xây dựng H tổng số tiền là: 5.188.764.575 đồng, (trong đó: Số tiền nợ gốc là: 3.794.722.050 đồng; Số tiền lãi chậm trả tạm tính đến hết ngày 09/7/2021 là: 1.342.042.525 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Công ty Cổ phần Xây dựng H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Hoàn trả Công ty Cổ phần Xây dựng H số tiền 56.302.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000200 ngày 16/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BN.

Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy Lợi I phải chịu 113.188.765 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, nhưng được trừ 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001023 ngày 21/7/2021 của Chi cục Thi hành án thành phố BN.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh BN;
- TAND thành phố BN;
- Chi cục THADS thành phố BN;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Bình